TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 20/2024/HNGĐ-PT
Ngày 10 tháng 7 năm 2024
V/v "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn, quyền sở hữu tài sản, hợp đồng mượn tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2023/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn, quyền sở hữu tài sản, hợp đồng mượn tài sản".

Do Bản án số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2072/2024/QĐPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2019).

2. Bị đơn: Anh Ngô Trần Ư, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Số D L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 02/4/2021).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Ngô Văn B, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Bà Ngô Thị P, sinh năm 1969 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L*:* Ông Cao Văn T, sinh năm 1966 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt);

Địa chỉ: A Đ, phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: G Ewing Ave K USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H*:* Bà Ngô Thị P, sinh năm 1969 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2020).

3.5. Ông Trương Ngọc Ư, sinh năm 1961(vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Bà Trần Thị Y, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1966 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Ông Ngô Văn B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Tuyết M *và lời khai của người đại diện nguyên đơn :*

Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Ngô Trần Ử trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định số 138/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, về phần tài sản chung và nợ chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau đó, do không thỏa thuận được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và nợ chung giữa chị và anh Ử như sau:

1. Về tài sản chung:

Tài sản là nhà ở và công trình khác: Vào năm 2018, ông Ngô Văn B là cha của anh Ử có giao cho chị và anh Ử khoảng 300m^2 đất tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh

Tiền Giang. Trên phần đất này, chị với anh Ử có xây dựng 01 căn nhà kiên cố vách tường, cột bê tông, mái tole và 01 nhà kho loại tiền chế, hiện anh Ử đang quản lý sử dụng, trị giá căn nhà kiên cố và nhà kho khoảng 1.815.000.000 đồng. Ngoài ra chị và anh Ử có xây dựng 01 hàng rào kiên cố cột bê tông, xây tường gạch, rào inox để bao bọc khuôn viên đất, trị giá hàng rào khoảng 200.000.000 đồng.

Cũng vào năm 2018, chị và anh Ử có xây dựng 01 hàng rào cắm trụ xi - măng bọc khuôn viên phần diện tích đất khoảng 2.000m^2 trồng sầu riêng tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, trị giá hàng rào khoảng 16.000.000 đồng.

Tài sản là cây cảnh gồm: 08 cây mai vàng trị giá khoảng 300.000.000 đồng và 01 cây khế trị giá khoảng 10.000.000 đồng.

Tài sản là vật chất, đồ dùng khác gồm: 01 bàn dài, 08 ghế bằng gỗ, 01 bộ ghế sa long bằng gỗ, 01 bộ vỵ bằng gỗ, 02 giường ngủ bằng gỗ, 01 tủ áo bằng gỗ, 01 tủ ly bằng gỗ, 02 bàn dài bằng đá hoa cương, 01 kệ bếp lớn bằng gỗ, 01 tủ lạnh hiệu Sanzo, 01 Máy giặt hiệu Toshiba, 01 máy phun thuốc, 01 máy nước nóng lạnh, 01 máy tưới nước, 01 máy hút bụi, 01 đồng hồ điện, 05 bức tranh thêu.

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng khoảng 2.522.700.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm nghìn đồng). Chị yêu cầu chia đôi tài sản chung và xin nhận ½ giá trị là 1.261.350.000 đồng.

2. Về nợ chung:

Vào năm 2018, do nhu cầu xây dựng nhà ở nên chị và anh Ử có vay của bà Ngô Thị P số tiền 230.000.000 đồng để xây dựng nhà; vay của bà Lê Thị L1 21 chỉ vàng 24k tương đương 85.000.000 đồng; vay của bà Ngô Thị H số tiền 8.000 USD tương đương tiền Việt Nam là 188.000.000 đồng.

Cũng vào năm 2018, do nhu cầu cần phân bón để chăm sóc sầu riêng, nên chị và anh Ử có mua thiếu của ông Trương Ngọc Ư một số vật tư nông nghiệp, hiện nay còn thiếu ông Ư số tiền 57.850.000 đồng.

Tổng số nợ chung mà chị và anh Ử còn nợ là 560.850.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng). Chị yêu cầu chia đôi nợ chung, chị và anh Ử mỗi người phải trả 280.425.000 đồng.

- *Ngày 26/8/2020, chị* M *có đơn khởi kiện bổ sung:*

Yêu cầu chia đồ dùng bên trong nhà gồm: 05 màn cửa sổ trị giá 5.000.000 đồng; 01 tủ ly bằng nhôm trị giá 1.500.000 đồng; 02 kệ úp đồ bằng inox trị giá 1.000.000 đồng; 01 kệ chén inox lớn trị giá 600.000 đồng; 01 cái bồn chứa nước 1000 lít trị giá 2.000.000 đồng; 01 bộ vòi sen tắm trị giá 2.000.000 đồng; 01 labo lớn bằng thép trị giá 2.000.000 đồng; bếp ga lớn + bình gas + nồi cơm điện trị giá 1.500.000 đồng; 01 bàn tròn inox + 30 ghế mũ trị giá 1.500.000 đồng; 10 quạt máy treo tường trị giá 2.000.000 đồng; 02 đèn treo trị giá 4.000.000 đồng; 07 bóng đèn dài 700.000 đồng; 40 bóng đèn led trị giá 3.000.000 đồng; 06 bóng đèn hàng rào trị giá 2.000.000 đồng. Những vật dụng khác trong nhà như chén, ly, thau cùng tất cả những vật dụng khác trong nhà trị giá 8.000.000 đồng. Tổng trị giá đồ dùng vật chất nói trên tương đương khoảng 36.800.000 đồng. Chị yêu cầu được chia đôi và nhận bằng giá trị tài sản số tiền khoảng 18.400.000 đồng.

Tài sản là xe mô tô: 01 chiếc xe mô tô hiệu WeRe màu xám biển kiểm soát 63 X4 3001 do Nguyễn Thị Tuyết M đứng tên sở hữu, hiện nay do anh Ử đang quản lý và sử dụng chiếc xe nói trên, trị giá khoảng 6.000.000 đồng. Chị yêu cầu anh Ử trả lại cho chị.

- Ngày 25/10/2020, chị M *có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản là cây ăn trái, cụ thể:*

Vào năm 2009 chị và anh Ử có trồng một số cây trồng nằm trên thửa đất diện tích 2.000m^2, do cụ Ngô Văn M1 (cụ M1 là ông nội của anh Ử) đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, gồm: 40 cây sầu riêng trị giá khoảng 120.000.000 đồng; 30 cây tắc trị giá khoảng 3.000.000 đồng; 02 cây xoài trị giá khoảng 1.000.000 đồng; 05 cây bơ trị giá khoảng 1.000.000 đồng; Hệ thống ống nước tưới cây trồng xung quanh nằm trên thửa đất trên trị giá khoảng 10.000.000 đồng; Cây cảnh gồm 04 cây mai trắng mini vô chậu trị giá khoảng 4.000.000 đồng; 02 cây cây cảnh là bông trang trên thửa đất diện tích 2.000 m^2 nói trên trị giá khoảng: 2.000.000 đồng. Tổng trị giá nói trên tương đương khoảng 141.000.000 đồng. Chị yêu cầu được chia đôi và nhận bằng giá trị tài sản số tiền 70.500.000 đồng.

- Ngày 25/11/2021, chị M rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chia nhà ở, nhà kho, tường rào và xin nhận bằng giá trị. Cây cảnh xin nhận bằng hiện vật gồm 04 cây mai, 01 cây khế. Chị đồng ý hoàn giá trị cây khế cho anh Ử.

- Tại biên bản hòa giải ngày 09/8/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm: Chị M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu buộc anh Ử chia đôi giá trị nhà ở, nhà kho, tường rào, hàng rào theo biên bản định giá tài sản ngày 17/5/2021 là 1.247.328.000 đồng, chị M và anh Ử mỗi người được chia tài sản trị giá 623.664.000 đồng và yêu cầu chia đôi số nợ chung 560.850.000 đồng, chị M và anh Ử mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số nợ là 280.425.000 đồng.

Theo Bản tự khai và Đơn yêu cầu phản tố ngày 15/6/2020, văn bản ý kiến ngày 15/1/2021, bị đơn - anh Ngô Trần Ử *trình bày:*

Anh thống nhất với chị M về thời gian kết hôn, ly hôn.

- Về nợ chung: Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị M về việc chia đôi nợ chung vì anh không có mượn số tiền 560.850.000 đồng như chị M trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng, anh cũng không nghe chị M nhắc đến việc mượn số tiền trên với mục đích gì và khi vay không báo cho anh biết.

- Về tài sản chung: Đối với các tài sản chung là nhà ở, nhà kho, hàng rào và các cây trồng có trên đất tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang hiện tại không phải là tài sản thuộc sở hữu chung giữa anh với chị M. Các tài sản nêu trên thuộc sở hữu của cha ruột anh là ông Ngô Văn B bao gồm: Căn nhà có diện tích khoảng 165m^2, nhà kho và hàng rào bao quanh được xây vào khoảng tháng 3/2018 do cha anh là ông Ngô Văn B xây dựng từ tiền của ông B và xây để cho anh và các con của anh được ở nhờ chứ không phải tài sản do anh và chị M tạo lập; cây trồng trên đất là do ông Ngô Văn B nhờ anh trồng giùm trên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông B, nên việc chị M yêu cầu phân chia là không đúng và anh không đồng ý.

Trong quá trình chung sống anh và chị M có cùng nhau tạo lập khối tài sản chung bao gồm:

- 2000m^2 đất thuộc thửa đất số 194, tờ bản đồ số 29 tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do chị M đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản chính Giấy chứng nhận cũng do chị M quản lý, cất giữ. Giá trị quyền sử dụng đất nêu trên tạm tính khoảng: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

- Đồng thời trên diện tích đất nêu trên anh chị có trồng khoảng 60 cây sầu riêng, 30 cây tắc đang cho thu hoạch và toàn bộ hệ thống tưới nước (Sầu riêng có giá trị khoảng 2.000.000 đồng/1 cây, cây tắc có giá trị khoảng 100.000 đồng/1 cây; hệ thống ống nước và máy bơm tới khoảng 10.000.000 đồng). Tổng cộng giá trị các cây trồng và thiết bị đầu tư trên đất có giá trị khoảng 133.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu đồng);

- Các tài sản khác bao gồm: 01 xe máy hiệu SH trị giá 60.000.000 đồng; 01 xe đạp điện trị giá 5.000.000 đồng, xe SH và xe đạp điện hiện đang do chị M quản lý sử dụng.

- Các trang sức bao gồm: 01 bộ vòng ximen gồm 14 chiếc bằng vàng 24k trị giá khoảng 42.000.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 24k trị giá 10.000.000 đồng; 01 chiếc lắc tay bằng vàng 24k khoảng 05 chỉ trị giá 15.000.000 đồng; 05 chiếc nhẫn vàng 24k trị giá 15.000.000 đồng các trang sức nêu trên hiện đang do chị M cất giữ; Tổng cộng giá trị các trang sức nêu trên là: 82.000.000 đồng;

Nay anh có yêu cầu như sau:

1. Yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị M.

2. Yêu cầu được chia đôi giá trị tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 194, tờ bản đồ số 29, 60 cây sầu riêng, 30 cây tắc và toàn bộ hệ thống tưới cho vườn cây tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, 01 xe SH, 01 xe đạp điện, 01 bộ vòng ximen 14 chiếc, 01 dây chuyền vàng, 01 lắc tay vàng 05 chiếc nhẫn vàng. Anh yêu cầu nhận bằng tiền là 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng) và đồng ý để chị M nhận bằng hiện vật.

3. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị M, anh Ư không đồng ý vì những tài sản chị M yêu cầu chia không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa anh Ư xin rút một phần yêu cầu phản tố về việc chia đôi giá trị tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 194, tờ bản đồ số 29 tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và chia đôi số nữ trang gồm 01 bộ vòng ximen 14 chiếc, 01 dây chuyền vàng, 01 lắc tay vàng 05 chiếc nhẫn vàng và chia đôi giá trị của chiếc xe đạp điện; Giữ nguyên yêu cầu phản tố về việc chia đôi giá trị 01 chiếc xe SH, cây trồng và hệ thống tưới tiêu trên thửa đất số 194, tờ bản đồ 29 tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Theo đơn yêu cầu độc lập và bản tự khai ngày 17/6/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn B *trình bày:*

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết M trong đó có yêu cầu chia các tài sản chung là nhà ở, nhà kho, hàng rào, cây trồng tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang thì ông không đồng ý, bởi các lý do sau:

Ông là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 429, tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ: ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00813QSDD/930DUB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/5/1997.

Vào khoảng tháng 3/2018, ông có dùng tiền của ông để xây căn nhà có diện tích khoảng 165m^2 cùng với nhà kho và hàng rào bao quanh trên nền thửa đất nêu trên nhằm mục đích để cho anh Ử và các con của anh Ử (là các cháu nội của ông) được ở nhờ. Do đó, các tài sản gồm: Căn nhà có diện tích khoảng 165m^2 cùng với nhà kho và hàng rào bao quanh trên nền thửa đất nêu trên là tài sản của ông chứ không phải là tài sản của anh Ử và chị M. Ngoài ra, các cây trồng có trên thửa đất này là do ông nhờ anh Ử trồng giùm ông, chứ không thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh Ử và chị M. Vì vậy ông không đồng ý yêu cầu của chị M về việc phân chia các tài sản nêu trên.

Nay yêu cầu Tòa án xác định căn nhà, nhà kho, hàng rào và các cây trồng tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:

1. Bà Ngô Thị P *trình bày:*

Bà là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Tuyết M. Vào năm 2018, do M và Ử có nhu cầu xây dựng nhà ở nên có vay của bà số tiền là 230.000.000 đồng để xây dựng nhà. Đến năm 2019 thì M và Ử xin ly hôn. Bà có nhiều lần yêu cầu M và Ử trả số tiền nêu trên nhưng đến nay M và Ử chưa trả.

Nay bà yêu cầu chị M và anh Ử mỗi người phải trả cho bà số tiền 115.000.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Ử về việc chia giá trị cây trồng và công trình trên thửa đất 194 của bà và ông H1 thì bà không đồng ý. Bà thống nhất với lời trình bày của ông H1.

2. Ông Trương Ngọc Ư *trình bày:*

Vào năm 2018, chị M và anh Ử có mua của ông số vật tư nông nghiệp, hiện nay còn nợ ông số tiền là 57.850.000 đồng. Đến năm 2019, chị M và anh Ử ly hôn. Ông có nhiều lần yêu cầu chị M, anh Ử trả số tiền trên nhưng anh chị không trả. Nay ông yêu cầu chị M và anh Ử mỗi người phải trả cho ông số tiền 28.925.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Bà Ngô Thị H *trình bày:*

Bà là dì ruột của chị M. Vào năm 2018, chị M và anh Ử có vay của bà số tiền 8.000 USD, tương đương khoảng 188.000.000 đồng để xây dựng nhà tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, chị M và anh Ử ly hôn, nhiều lần bà yêu cầu chị M và anh Ử trả số tiền trên nhưng đến nay chị M và anh Ử vẫn chưa trả. Nay bà yêu cầu chị M và anh Ử mỗi người có trách nhiệm trả cho bà số tiền 94.000.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Bà Ngô Thị L *trình bày:*

Vào năm 2018, chị M và anh Ử có vay của bà 2 chỉ vàng 24k (tương đương khoảng 85.000.000 đồng) để xây dựng nhà tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền

Giang. Đến năm 2019, chị M và anh Ử ly hôn, bà có nhiều lần yêu cầu chị M và anh Ử trả số vàng trên nhưng cả hai chưa trả. Nay bà yêu cầu chị M và anh Ử mỗi người có trách nhiệm trả cho bà 10,5 chỉ vàng 24k, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Ông Nguyễn Thanh H1 *trình bày:*

Đối với yêu cầu chia cây trồng, công trình trên thửa đất 194 của anh Ử thì ông không đồng ý vì đây là tài sản chung của hai vợ chồng ông. Cây giống là của vợ chồng ông mua và trồng từ năm 2008. Chị M và anh Ử có đến phụ giúp chăm sóc, xịt thuốc, thu hoạch, vợ chồng ông có trả tiền công cho anh Ử sau mỗi lần làm công. Khi thu hoạch thì vợ chồng ông là người kêu mối lái lại vườn bán, tiền bán thì vợ chồng ông quản lý, vợ chồng ông có cho Ử và M từ 15 đến 20 triệu mỗi mùa tiền phụ giúp chăm sóc cây trồng. Từ khi anh Ử phụ giúp đến khi anh Ử và chị M ly hôn thì ông bà thu hoạch được 05 mùa sầu riêng. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

+ Yêu cầu hủy bỏ tư cách Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Võ Thanh V – Đoàn Luật sư tỉnh T. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Luật sư Võ Thanh V.

+ Rút yêu cầu khởi kiện đối với việc phân chia tài sản chung là cây kiểng, cây ăn trái, vật dụng sinh hoạt trong gia đình và 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 63 X4 -3001.

+ Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với việc chia đôi tài sản chung là nhà ở, nhà kho, tường rào, hàng rào trị giá 1.247.328.000 đồng (theo Chứng thư thẩm định giá ngày 17/5/2021).

+ Giữ nguyên yêu cầu chia đôi số nợ chung là 560.850.000 đồng.

+ Đồng ý chia cho anh Ngô Trần Ử ½ giá trị của chiếc xe mô tô hiệu SH Mode biển kiểm soát 63B2 – 541.84, cấn trừ vào số tiền anh Ử phải hoàn giá trị tài sản chung cho chị M.

+ Không đồng ý với yêu cầu phản tố của anh Ngô Trần Ử về việc chia đôi giá trị của 60 cây sầu riêng; 30 cây tắc; hệ thống tưới tiêu trên thửa đất 194 tại địa chỉ ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn trình bày:

+ Rút một phần yêu cầu phản tố đối với việc chia ½ giá trị của thửa đất số 194, 01 xe đạp điện, 01 bộ trang sức gồm (01 bộ vòng ximen 14 chiếc, 02 dây chuyền, 01 lắc tay, 01 nhẫn bằng vàng).

+ Giữ nguyên yêu cầu phản tố về việc chia ½ giá trị của chiếc xe mô tô hiệu SH Mode, biển kiểm soát 63B2 – 541.84; 60 cây sầu riêng; 30 cây tắc; hệ thống tưới tiêu trên thửa đất 194 tại địa chỉ ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

+ Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị M về việc chia đôi tài sản chung và nợ chung.

+ Không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị P, Ngô Thị L, Ngô Thị H, Trương Ngọc Ư.

Tại bản án số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Tuyết M về việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là cây cảnh, tài sản trong nhà, xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 63X4-3001 và tài sản là cây trồng, hệ thống tưới tiêu và cây cảnh trên thửa đất số 429, tờ bản đồ số 02, tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu phản tố của anh Ngô Trần Ử về việc yêu cầu chia ½ giá trị quyền sử dụng thửa đất số 194, tờ bản đồ số 29, tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và 01 xe đạp điện, 01 bộ trang sức gồm 01 bộ vòng ximen 14 chiếc, 01 dây chuyền bằng vàng, 01 lắc tay bằng vàng, 01 nhẫn vàng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Tuyết M về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung của chị M và anh Ử là 01 căn nhà kiên cố vách tường, cột bê tông, mái tole, hàng rào, tường rào, cổng rào, 01 nhà kho loại tiền chế xây dựng trên thửa đất số 429, tờ bản đồ số 02, tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang trị giá 1.247.328.000 đồng và chia đôi số nợ chung của chị M và anh Ử là 560.850.000 đồng.

- Chia cho anh Ngô Trần Ử được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà, nhà kho, mái che, cổng rào, hàng rào, tường rào xây dựng trên thửa đất số 429 tờ bản đồ số 02 tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do cụ Ngô Văn M1 đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Các tài sản này hiện do anh Ngô Trần Ử đang quản lý, sử dụng).

- Buộc anh Ngô Trần Ử có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị tài sản chung cho chị Nguyễn Thị Tuyết M là 623.664.000 đồng (Sáu trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Ngô Trần Ử về việc yêu cầu chia ½ giá trị của 60 cây sầu riêng, 30 cây tắc và hệ thống tưới tiêu cho vườn cây trên thửa đất số 194, tờ bản đồ số 29, tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Ngô Trần Ử về việc yêu cầu chia ½ giá trị chiếc xe mô tô hiệu SH Mode biển số 63B2-541.84.

- Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Tuyết M tự nguyện hoàn trả ½ giá trị chiếc xe mô tô hiệu SH Mode biển số 63B2-541.84 cho anh Ngô Trần Ử là 17.875.000 đồng (Mười bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

6. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị L và ông Trương Ngọc Ư.

- Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị P số tiền 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng); trả cho bà Ngô Thị L 10,5 chỉ vàng 24K; trả cho bà Ngô Thị H 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng); trả cho ông Trương Ngọc Ư 28.925.000 đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Buộc anh Ngô Trần Ử có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị P số tiền 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng); trả cho bà Ngô Thị L 10,5 chỉ vàng 24K; trả cho bà Ngô Thị H 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng); trả cho ông Trương Ngọc Ư 28.925.000 đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu chị M và anh Ử chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Ngô Văn B về việc yêu cầu xác định căn nhà, nhà kho, hàng rào và cây trồng trên thửa 429, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của ông Ngô Văn B và bà Trần Thị Y.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 19/9/2024, ông Ngô Văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn kiện, người kháng cáo khônhg rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ông Ngô Văn B trình bày nội dung kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông, cụ thể: Xác định giá trị xây dựng nhà ở, nhà kho, hàng rào và các cây trồng tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu của ông và bà Y, lý do: Ông là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 429, tờ bản đồ số 2; vào khoảng tháng 3/2018, ông đã bỏ tiền ra để xây căn nhà có diện tích khoảng 165m^2 cùng với nhà kho và hàng rào bao quanh trên nền thửa đất nêu trên nhằm mục đích để cho con ông là anh Ử và các con của anh Ử (là các cháu nội của ông) được ở nhờ.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Bà M không đồng ý với yêu cầu kháng cáo trên của ông B. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn – ông Ngô Trần Ử trình bày: Ông Ử không kháng cáo, đề nghị Toà án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xử đúng pháp luật. Kháng cáo của ông B không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Ư, bà P (bà P với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà H), bà L vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt; bà Y vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Ngô Văn B yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông: Xác định căn nhà, nhà kho, hàng rào và cây trồng trên thửa 429, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của ông Ngô Văn B và bà Trần Thị Y. Vì cho rằng khoảng tháng 3/2018, ông B đã bỏ tiền ra để xây căn nhà có diện tích khoảng 165m^2 cùng với nhà kho và hàng rào bao quanh trên nền thửa đất nêu trên.

[2.1] Ý kiến trên của ông Ngô Văn B không được phía nguyên đơn thừa nhận. Ngược lại, nguyên đơn cho rằng toàn bộ tài sản tài sản trên đất gồm: Nhà, nhà kho, hàng rào và các cây trồng tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do vợ chồng chị M vay mượn bỏ tiền ra đầu tư, xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, những tài sản này là tài sản chung của vợ chồng chị M như bản án sơ thẩm đã xác định. Đối với bị đơn- anh Ngô Trần Ử sau khi bản án sơ thẩm xử xác định phần tài sản này là tài sản chung của vợ chồng anh Ử với chị M thì anh Ử cũng đồng ý với bản án sơ thẩm, không kháng cáo.

[2.2] Xét thấy, trong suốt quá trình tham gia tố tụng, ông B ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc ông đã bỏ tiền ra, đầu tư xây dựng nhà và công trình trên đất cho vợ chồng anh Ử – chị M như ông đã khai.

[2.3] Phía chị M khai để có tiền xây nhà, năm 2018 chị mượn của bà P, bà H, bà L khoảng 418.000.000 đồng và 21 chỉ vàng 24K. Chị là người thuê thầu xây dựng, trực tiếp giao dịch mua vật liệu xây dựng và trực tiếp trả tiền.

[2.4] Xét lời khai của chị M phù hợp với xác nhận của ông Nguyễn Trung T1 như sau: *"Tháng 3, 4/2018 ông có giao dịch bán vật liệu cho bà* M*, để bà* M *xây nhà ở tại địa chỉ* ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang *và nhận tiền từ bà* M *tổng số tiền là 300.000.000 đồng"* (BL 130) xác nhận của ông Đinh Huy C1: *"Vào đầu năm 2018, bà* M *có hợp đồng với ông để xây dựng nhà ở kiên cố và công trình phụ của bà tại địa chỉ* ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang *(hợp đồng miệng). Khoảng tháng 3, tháng 4/2018 ông tiến hành xây dựng và nhận tiền trực tiếp từ chị* M *với tổng số tiền là 185.000.000 đồng*" (BL 128); xác nhận của ông Nguyễn Chí T2: *"Tháng 10, tháng 11 năm 2018 chị* M *có hợp đồng với ông để lắp đặt inox trên hàng rào, gắn khung cửa sổ, làm nhà tiền chế, mái che bao quanh sân nhà và hành*

lang nhà ở của chị M*, sau khi hoàn thành ông nhận tiền trực tiếp từ chị* M *với số tiền là 107.000.000 đồng"* (BL 126).

[2.5] Việc ông B có cung cấp phiếu tính tiền vật liệu xây dựng là 26.325.000 đồng ngày 12/6/2018 của Vật liệu xây dựng - trang trí nội thất Triệu Thành Đ không được chị M thừa nhận và nội dung phiếu tính tiền trên không thể hiện việc ông B giao tiền cho cơ sở T3, nên không có căn cứ chấp nhận ông B có bỏ ra 26.325.000 đồng để mua vật liệu xây nhà chị M đang tranh chấp.

[2.6] Đối với cây trồng trên đất gồm: 40 cây sầu riêng, 30 cây tắc, 02 cây xoài, 05 cây bơ, hệ thống tưới tiêu và 02 cây bông trang, theo ông Nguyễn Văn Q1 - Trưởng ấp M xác nhận ngày 06/10/2020 như sau: "*Các cây trồng trên do anh* Ử *và vợ là* Nguyễn Thị Tuyết M *trồng vào năm 2009 nhưng vào năm 2020 do hạn mặn số cây sầu riêng đã chết"* (BL 135-136).

[2.7] Mặt khác, ông B và bà Y còn có 04 người con chung. Ông bà đã ngoài 60 tuổi, việc bỏ gần 500.000.000 đồng ra xây nhà kiên cố cho vợ chồng chị M - anh Ử ở trong khi 03 người con còn lại vẫn sống chung cùng vợ chồng ông B trong căn nhà cấp bốn là không phù hợp.

[3] Như vậy, bản án sơ thẩm đã xác định phần tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng anh Ử với chị M nên không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông B cho rằng các tài sản trên đây là tài sản thuộc sở hữu chung của ông B với bà Y là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, ông B không cung cấp được thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại toà, được chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, phát sinh hiệu lực pháp luật từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phía Tòa án. Ông Ngô Văn B thuộc trường hợp người cao tuổi, đủ điều kiện nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phía Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Ngô Văn B.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2.1. Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Tuyết M về việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là cây cảnh, tài sản trong nhà, xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 63X4-3001 và tài sản là cây trồng, hệ thống tưới tiêu và cây cảnh trên thửa đất số 429, tờ bản đồ số 02, tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu phản tố của anh Ngô Trần Ử về việc yêu cầu chia ½ giá trị quyền sử dụng thửa đất số 194, tờ bản đồ số 29, tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và 01 xe đạp điện, 01 bộ trang sức gồm 01 bộ vòng ximen 14 chiếc, 01 dây chuyền bằng vàng, 01 lắc tay bằng vàng, 01 nhẫn vàng.

2.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Tuyết M về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung của chị M và anh Ử là 01 căn nhà kiên cố vách tường, cột bê tông, mái tole, hàng rào, tường rào, cổng rào, 01 nhà kho loại tiền chế xây dựng trên thửa đất số 429, tờ bản đồ số 02, tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang trị giá 1.247.328.000 đồng và chia đôi số nợ chung của chị M và anh Ử là 560.850.000 đồng.

- Chia cho anh Ngô Trần Ử được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà, nhà kho, mái che, cổng rào, hàng rào, tường rào xây dựng trên thửa đất số 429 tờ bản đồ số 02 tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do cụ Ngô Văn M1 đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Các tài sản này hiện do anh Ngô Trần Ử đang quản lý, sử dụng).

- Buộc anh Ngô Trần Ử có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị tài sản chung cho chị Nguyễn Thị Tuyết M là 623.664.000 đồng (Sáu trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

2.4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Ngô Trần Ử về việc yêu cầu chia ½ giá trị của 60 cây sầu riêng, 30 cây tắc và hệ thống tưới tiêu cho vườn cây trên thửa đất số 194, tờ bản đồ số 29, tại ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2.5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Ngô Trần Ử về việc yêu cầu chia ½ giá trị chiếc xe mô tô hiệu SH Mode biển số 63B2-541.84.

- Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Tuyết M tự nguyện hoàn trả ½ giá trị chiếc xe mô tô hiệu SH Mode biển số 63B2-541.84 cho anh Ngô Trần Ử là 17.875.000 đồng (Mười bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

2.6. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị L và ông Trương Ngọc Ư.

- Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị P số tiền 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng); trả cho bà Ngô Thị L 10,5 chỉ vàng 24K; trả cho bà Ngô Thị H 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng); trả cho ông Trương Ngọc Ư 28.925.000 đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Buộc anh Ngô Trần Ư có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị P số tiền 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng); trả cho bà Ngô Thị L 10,5 chỉ vàng 24K; trả cho bà Ngô Thị H 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng); trả cho ông Trương Ngọc Ư 28.925.000 đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu chị M và anh Ư chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.7. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Ngô Văn B về việc yêu cầu xác định căn nhà, nhà kho, hàng rào và cây trồng trên thửa 429, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của ông Ngô Văn B và bà Trần Thị Y.

2.8 Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Chị M phải chịu 28.231.560 đồng án phí chia tài sản và 14.857.250 đồng án phí buộc thực hiện nghĩa vụ, tổng cộng 43.088.810 đồng. Chị M đã nộp tạm ứng án phí 14.050.000 đồng theo biên lai số 0000409 ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp thêm 29.038.810 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm ba mươi tám ngàn tám trăm mười đồng).

- Anh Ư phải chịu 28.231.560 đồng án phí chia tài sản và 14.857.250 đồng án phí buộc thực hiện nghĩa vụ, tổng cộng 43.088.810 đồng. Anh Ư đã nộp tạm ứng án phí 9.750.000 đồng theo biên lai số 0000647 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp thêm 33.338.810 đồng (Ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi tám ngàn tám trăm mười ngàn đồng).

- Hoàn tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) cho bà Ngô Thị L theo biên lai số 0000848 ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn tạm ứng án phí 5.750.000 đồng (Năm triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) cho bà Ngô Thị P theo biên lai số 0000847 ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn tạm ứng án phí 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm ngàn đồng) cho bà Ngô Thị H theo biên lai số 0000846 ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn tạm ứng án phí 1.446.000 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) cho ông Trương Ngọc Ư theo biên lai số 0000845 ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ngô Văn B.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn B thuộc trường hợp người cao tuổi, được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP , lưu hồ sơ, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa